

Dư chấn của một truyện thơ

Trong lịch sử của Giải thưởng Văn học nghệ thuật (VHNT) Nguyễn Khuyến, chưa lần nào lại gặp nhiều “trục trặc” như lần trao giải thứ V (2001 – 2005) này, khi mà bản thân nó đã bị chậm hơn một năm so với định kì, nay Ban tổ chức lại còn phải quyết định rời ngày trao giải đến lần thứ 3, với việc kéo dài thời gian thêm hơn 2 tháng nữa chỉ vì vấn đề kinh phí. Và cũng chưa lần nào, người ta lại phàn nàn nhiều về chất lượng của giải thưởng như lần này, khi mà giải Nhất về Thơ được trao cho tập “Ngõ ngàng” của Nguyễn Công Tú. Nhiều người bất bình. Nhiều người ám ức. Nhiều người kêu ca, than vãn, chán nản và mỗi khi gặp nhau thường biểu hiện bằng những phản ứng khá gay gắt, hoặc là nói chuyện với nhau bằng giọng điệu bực bội khi nói về giải thưởng Thơ, đến nỗi tôi thực sự lo lắng vì sợ những hội viên Hội VHNT này và nhiều người yêu thơ khác sẽ kéo đến Hội để gây sự, làm náo động văn phòng Hội. Rất may, cuối cùng thì điều đó đã không xảy ra, văn phòng Hội vẫn được bình yên vô

sự vì việc chấm giải và xếp giải lần này đã được Hội VHNT Hà Nam trao trách nhiệm cho một Ban giám khảo ở trên tận Hội Nhà văn Việt Nam, nên dù có ám ức đến mấy, bực mình đến mấy, dù có không bằng lòng thì cũng chỉ biết nén lại, giữ chặt trong lòng và thỉnh thoảng lại mang ra để chia sẻ, giải bày khi có cơ hội gặp nhau. Một số người thích dĩ hoà vi quý thì vui vẻ động viên: dù sao thì “Ngõ ngành” cũng không phải là một tập thơ mà là *truyện thơ* - một *truyện thơ duy nhất* dự giải nên được ưu ái hơn cũng là điều dễ hiểu. Nhưng chính lời động viên đó lại làm cho tôi thực sự không yên lòng và phải tìm đọc lại cho bằng được *truyện thơ* đó, vì từ trước đến nay, kể cả những người viết có tài, có tên tuổi rồi cũng ngại và thường không đủ can đảm để viết *truyện thơ* bởi *truyện thơ* rất dài hơi, rất khó tính nên rất khó thành công.

Viết *truyện thơ*, hiểu một cách nôm na nhất, có nghĩa là viết lại, thuật lại, dựng lại một câu chuyện bằng ngôn ngữ thơ. Vì vậy, *truyện thơ* đòi hỏi phải có đủ cả hai vấn đề cơ bản là phải có truyện, có cốt truyện, có ngôn ngữ kể chuyện, dựng truyện, có đời sống, tâm trạng, số phận, tính cách của nhân vật, có bối cảnh để nhân vật xuất hiện và bộc lộ mình... Tất

cả những điều đó phải được thể hiện bằng ngôn ngữ thơ. Thế mới khó, mới ít người dám làm. Và Nguyễn Công Tú đã liều lĩnh làm điều đó bằng thơ lục bát, bắt chước theo kiểu truyện nôm khuyết danh “*Thạch Sanh*” và cũng có tham vọng học được cách viết trong truyện thơ “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du và “*Lục Vân Tiên*” của Nguyễn Đình Chiểu nhưng không thành công vì ông đâu có phải là đại thi hào! Vì thế mà “*Ngõ ngàng*” thực ra chỉ đơn thuần là một *câu chuyện* chứ không phải là *truyện* và ông dùng thơ lục bát để *kể chuyện* cho mọi người. Mà đây cũng chưa hẳn là thơ lục bát, hầu hết chỉ là kiểu diễn xướng như vè nhưng lại sử dụng vần điệu và cấu trúc của thơ lục bát. Đó là một sự nhầm lẫn rất hồn nhiên về thể loại tác phẩm. Điều này thì ai cũng có thể nhận ra chỉ sau khi đọc xong vài trang sách.

Câu chuyện mà Nguyễn Công Tú ca ngợi là “*Chuyện tình Sông Châu*” trong tập “*Ngõ ngàng*”, có thể diễn xuôi một cách nôm na như sau: Có một đôi trai gái sống ở hai bên bờ Sông Châu yêu nhau rất sâu nặng, thủy chung. Chàng trai tên là Đoan, mất bố từ nhỏ, sống với mẹ trong cảnh bần hàn. Cô gái tên là Trang, đẹp người đẹp nết, hay lam hay làm nhưng mẹ mất sớm, anh trai cũng hy sinh ngoài

chiến trường, đang sống cùng với bố và người em trai tên là Trung. Cô sống lãng mạn, ước mơ thi vào Trung cấp Y nhưng vì hoàn cảnh gia đình nên phải từ bỏ ước mơ để ở nhà làm ruộng, giúp đỡ gia đình. Họ chưa kịp làm đám cưới thì Đoan phải lên đường vào Nam chiến đấu. Ở nhà, Trang vừa phải chăm sóc bố ốm liệt giường, vừa nuôi em trai ăn học, vừa qua sông chăm sóc, giúp đỡ mẹ Đoan hàng ngày. Em trai của Trang lại xung phong lên đường vào Nam chiến đấu, bố Trang qua đời, cô sang sống hẳn với mẹ Đoan để tiện chăm sóc bà và được bà đồng ý cho nhận một bé trai tên là Châu làm con nuôi. Cuộc sống đang yên ổn thì nhận được tin Đoan hi sinh khiến cả nhà đau đớn, mẹ Đoan ốm liệt giường. Đúng lúc ấy, Trung về đã làm cho Trang phần nào nguôi ngoai được nỗi đau và đứng ra lo liệu việc xây dựng gia đình cho em. Bất ngờ Đoan trở về sau hơn 10 năm xa cách nhưng lại không còn khả năng làm bố nữa vì bị thương ngoài chiến trường. Anh đã được cứu sống và được giao nhiệm vụ coi giữ kho trong rừng sâu nên mãi đến khi hoà bình lập lại được mấy năm, người ta mới nhớ đến anh và cho anh về. Đoan và Trang vui với hạnh phúc gia đình cùng người mẹ già và đứa con nuôi. Điều đó làm cho cả Đoan, mẹ

Doan và Trang bất ngờ và ngỡ ngàng như đang sống trong một giấc mơ...

Chuyện chỉ có vậy, thậm chí khi đọc tập “*Ngõ ngàng*” còn không thấy hay bằng được nghe kể lại một cách nô nôm na như vậy. Thực ra, câu chuyện như thế này không phải là hiếm gặp ở thời hậu chiến và nhiều câu chuyện như vậy cũng đã được dàn dựng trên sân khấu. Thực ra, câu chuyện rất xúc động, có nhiều chi tiết có thể khai thác rất hay và nếu khéo léo, có tài, biết dựng truyện thì với câu chuyện như vậy sẽ có thể làm nên một truyện thơ rất hay và xúc động. Nhưng Nguyễn Công Tú đã không thể làm được điều đó mà ngược lại, dường như ông sợ người đọc không hiểu được ý tưởng của mình nên kể lể rất lòng vòng, nhiều đoạn lặp đi lặp lại và thực sự rất yếu trong việc khắc họa tâm trạng nhân vật nên cứ loay hoay mãi và người đọc thấy các nhân vật của ông rất trẻ con, từ lời nói đến hành động đều vô cùng đơn giản và nhợt nhạt. Vì thế mà cả cuốn thơ cứ trôi tuột qua con mắt của người đọc, chẳng để lại một dấu ấn gì. Tuy nhiên, để cho cuốn sách thêm phần dày dặn, ông đã cố gắng kể lể thật vòng vo, đưa vào đó rất nhiều “*tạp - pí - lù*”- toàn những điều không ăn nhập gì mấy với câu chuyện, thậm

chí, có khi chỉ miêu tả một vài hoạt động hết sức đơn giản và bình thường, ông cũng nói lan man đến vài trang làm cho câu chuyện bị loãng, tối nghĩa, khiến cho người đọc rất khó để đọc hết và nếu có cố gắng đọc hết thì cũng phải ngồi im một lúc khá lâu để hình dung, chấp nối lại các sự kiện, mới có thể hiểu được ông đang nói gì. Điều đó làm cho người đọc nhận ra sự non nớt trong cách xử lí ngôn từ của ông và chính ông. khi viết truyện này cũng bị cuốn theo nội dung cốt truyện, theo đà gieo vần của câu thơ mà không thể làm chủ được ngòi bút của mình, không tạo ra được một cấu trúc truyện hợp lí, chặt chẽ và thường sa đà vào cách kể lể bằng văn vần với cách nói vần về, dễ dãi. Cách kể này là cách kể chuyện của những cụ già ở nông thôn ngày xưa, ít được đi học nhưng lại thuộc lòng rất nhiều ca dao, nhiều câu thơ trong truyện Kiều và thích nói rủ rủ bằng thơ cho con cháu nghe để dễ nhập tâm, dễ nhớ nên thường chỉ chú ý đến nội dung cần truyền đạt, đến việc gieo vần mà không cần để ý đến ngôn ngữ, cấu trúc câu. Thực ra, với cách kể chuyện như thế này, người biết kể và biết làm thơ sẽ không "bôi" ra đến gần trăm trang như vậy mà chỉ cần gói gọn trong khoảng trên dưới chục trang là đủ.

Lâu nay, tôi vẫn luôn mơ hồ lo lắng và buồn cho tương lai văn học Hà Nam khi mà hiện tại, chẳng có gì để nhớ, để tự hào, để hi vọng vào đội ngũ những người viết vốn đã yếu, đã ít, lại đã bắt đầu thực sự già nua cả về tuổi tác lẫn tư duy và bút pháp. Đến tận bây giờ mới có được một tập sách gây xôn xao dư luận, khuấy động được sự tò mò và tạo được sự chú ý, sự bàn tán của mọi người yêu thơ trong tỉnh, thì đáng lẽ ra, đó phải là một cuốn sách thực sự có giá trị và đáng đọc. Và nếu thực sự có được một cuốn sách như vậy, không phải là tác giả của nó đâu, mà chính tôi sẽ là người đầu tiên rơi nước mắt vì sung sướng, bởi sự mỏi mòn mong đợi của mình về một tác phẩm văn học có chất lượng cao trong tỉnh đã trở thành hiện thực. Nhưng tiếc rằng, sự xôn xao đó lại xuất phát từ chính chất lượng của giải thưởng khiến cho những người có trách nhiệm, có tâm với ngòi bút cảm thấy chua xót và ngậm ngùi vì nhận ra sự tụt dốc ghê gớm của một dòng văn học già cỗi, nhỏ bé và lạng lạng đang đến rất gần. Không những thế, "Ngõ ngàng" còn để lại nhiều dư chấn âm ỉ, dai dẳng trong lòng người đọc, người viết sau khi giải thưởng Nguyễn Khuyến được trao, khiến cho ngay cả những hội viên bộ môn Thơ của Hội VHNT Hà Nam đang

gần gũi, thân thiện với nhau là thế, bỗng dưng rất ngại gặp nhau, ít muốn gặp nhau và nếu như có phải gặp nhau thì cũng khách sáo với nhau hơn, cảm nhận được khoảng cách vô hình ngày càng lớn hơn, nói chuyện với nhau cũng thấy gượng gạo hơn và hầu như không còn hứng thú để nói chuyện về thơ nữa.

Tập "*Ngõ ngàng*" cũng đã làm cho tôi thực sự thấy ngỡ ngàng và mới đầu đã không thể tin nổi khi biết tin nó được trao giải Nhất. Cách đây gần 5 năm, từ cuối năm 2002, tôi đã được tặng tập sách này và rất nhiều lần lôi từ trên giá sách xuống để đọc nhưng chưa lần nào tiêu hoá nổi 5 trang. Có lẽ, không có dư âm về giải thưởng Nguyễn Khuyến, không có sự xô xao của những người làm thơ trong tỉnh, tôi cũng không thể nhớ nổi là đã có một tập thơ như thế được xuất bản và đã không cố gắng để đọc xem nó được giải Nhất là vì cái gì. Nhưng quả thực, cũng phải nâng lên đặt xuống rất nhiều lần, thậm chí còn phải "*đánh vật*" với nó rất nhiều lần, tôi mới đọc xong truyện thơ dày chưa đầy một trăm trang này, rồi lại thấy ngẩn ngơ tiếc cho công sức của mình đã bỏ ra để đọc. Ấn tượng duy nhất khi gấp cuốn sách lại là sự mệt mỏi và buồn. Nói thật, khi

biết tin Nguyễn Công Tú gửi tập thơ "*Ngõ ngàng*" tham dự giải thưởng Nguyễn Khuyến, tôi đã vô cùng ngạc nhiên vì không hiểu sao ông lại chọn tập sách đó, trong khi có những tập sách khác nhỉnh hơn và khi nghe phong thanh tập sách này giành giải Nhất, tôi đã bật cười một mình giữa đêm khuya như bị ma làm. Nhưng cuối cùng thì tôi đã sai và có lẽ tôi đã điên thật, bởi những nhận định về truyện thơ này của tôi thật vớ vẩn, trớ trêu và thật nực cười khi mà "*Ngõ ngàng*" dễ dàng vượt lên trên tất cả các tập thơ khác để chễm chệ ngôi ở ngôi vị cao nhất. Tuy nhiên, nếu mang truyện thơ này cho một trăm người khác nhau đọc và hỏi ý kiến của họ, tôi dám khẳng định rằng, sẽ có không dưới chín mươi người không thích vì chẳng thấy có gì đặc sắc cả, hoặc không đủ kiên nhẫn để đọc hết, chẳng đủ thời gian để ngồi ngẫm nghĩ mà hiểu xem tác giả viết gì. Chỉ tiếc rằng, Ban giám khảo lại nằm trong số khoảng mười người còn lại.

Tháng 6 - 2007

Đôi bờ – Khoảng cách quá xa cho một tương lai gần

Xưa nay, truyện ngắn vẫn là một mảnh đất cỗi cằn sỏi đá, đầy gian nan khắc nghiệt nên ít người dám đặt chân đến và càng ít người có thể canh tác thành công ở đó. Nếu như với thơ, người viết cần nhất là có cảm xúc, thì truyện ngắn lại đòi hỏi chủ yếu ở tài năng và vốn sống của họ. Không có tài năng nhưng có cảm xúc và biết làm thơ, người viết có thể làm được những bài thơ tầm tạm, có thể đọc được, có thể gây xúc động cho mọi người. Với truyện ngắn thì lại khác. Nếu có cảm xúc mà không có tài thì không thể viết được truyện ngắn. Có tài mà không có vốn sống, truyện ngắn viết ra sẽ không thể

hay được. Nếu mỗi thứ chỉ có một chút thì cũng chỉ viết được những truyện ngắn vào loại làng nhàng, đọc cũng được mà vứt đi ngay cũng được. Vì vậy, đòi hỏi người viết truyện ngắn phải là người có tài, phải đi nhiều, hiểu biết nhiều, có vốn sống và vốn văn hoá phong phú, bởi truyện ngắn không thể đại ngôn. Thế nên, nếu không có hai điều đó, dù cố gắng đến mấy, cần cù đến mấy cũng không thể trở thành người viết truyện ngắn chuyên nghiệp được.

Tôi rất chăm chú đọc truyện ngắn của Vũ Minh Thúy, bởi ngoài lí do là một tác giả nữ, chị còn là hội viên trẻ nhất trong số 8 người của bộ môn Văn xuôi, Hội VHNT Hà Nam và cũng là một trong những cây bút truyện ngắn ít ỏi của tạp chí Sông Châu. Nhưng càng đọc chị, càng hi vọng nhiều ở chị, tôi càng buồn và thấy thất vọng hơn và ngòi bút của chị mãi vẫn không trưởng thành lên được, không chững trạc lên được, thậm chí còn không thấy một chút loé sáng nào của tài năng trong những trang viết gần đây của chị, đến nỗi, tôi trở thành kẻ hồ đồ, hồ nghi cả chính niềm tin của mình. Khi được chị tặng cho tập truyện ngắn "Đôi bờ", tôi đã đọc rất nhanh rồi quên luôn và khi biết tập truyện ngắn này được trao giải Ba - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến lần thứ V

(2001 - 2005) của UBND tỉnh Hà Nam, tôi cũng không biết là mình nên mừng hay nên lo cho chị. Mừng thì không biết vì lí do gì, bởi ở một vùng quê đang cạn kiệt những cây bút truyện ngắn thì giải thưởng chỉ mang tính chất động viên, khích lệ. Lo vì không biết ánh hào quang của giải thưởng có làm cho chị bị choáng ngợp, không nhận ra bản thân, tài năng và vị trí của mình nữa không? Nhưng chị là người kín đáo, sống nội tâm nên cũng rất khó mà đọc được tâm trạng của chị. Nhưng không thể không viết vài dòng cảm nhận về tập "Đôi bờ" của chị và vì nó chỉ có tất cả 11 truyện ngắn, lại có nội dung rất đơn giản nên tôi xin được đưa ra vài cảm nhận ngắn gọn, cụ thể cho từng truyện.

"Đôi bờ" là một câu chuyện khá cảm động về sự biệt li, chia cách hai thế giới âm dương của hai vợ chồng, khi người chồng là một họa sĩ tài ba sớm qua đời vì bạo bệnh, để lại cho chị vợ là một nhà văn, một phụ nữ giàu lòng vị tha, hết mực yêu thương và sẵn sàng hy sinh tất cả cho chồng, con một khoảng trống vắng, hằng hụt và ăm ắp những kỷ niệm ngọt ngào trong mái ấm gia đình nhỏ bé, hạnh phúc. Nhưng rất tiếc là câu chuyện được viết lại như những trang nhật kí, những dòng hồi ức chú chưa

biết dựng truyện để thành một truyện ngắn. Có thể nói, đây là một truyện ngắn hơi non về mặt thể loại.

"*Gió đồng mênh mang*" xem ra lại còn tệ hơn, dù nó được Hội VHNT Hà Nam trao giải Nhì năm 1998. Câu chuyện mang dáng dấp của một truyện cổ tích thời hiện đại với mô típ cũ mòn, sáo rỗng, kể về Hà - một cô gái rất đẹp nhưng lại phải sống cơ cực, nhần nhục và cam chịu vì bị mọi người xa lánh, hắt hủi chỉ bởi ông nội Hà bị bệnh phong (*bệnh hủi*). Cô được một chàng trai (*tác giả không đặt tên*), con một gia đình khuôn phép và danh giá nhất làng (*gia đình ông Hiệu trưởng*) đem lòng yêu mến. Mối tình của họ bị phản đối kịch liệt. Hà bị đánh đập, nhục mạ. Chàng trai thì bị cấm đoán và bị đuổi ra khỏi nhà. Nhưng họ vẫn quyết tâm lên UBND xã đăng kí kết hôn và về ở với nhau trên một con thuyền nhỏ. Kể cả khi Hà bụng mang dạ chửa vẫn bị mẹ chàng trai (*bà giáo*) túm tóc tát cho một trận tơi bời, nhục nhã ngay giữa chợ làm cho cô ngã sấp xuống nền đất bùn nhầy nhụa. Vậy mà không có ai can ngăn, cũng không thấy chồng Hà có ý kiến hay thái độ gì với bố mẹ. Cũng chẳng biết như thế nào mà hai năm sau, khi Hà sinh đứa con thứ hai thì lại được mẹ chồng chấp nhận và vợ chồng cô trở nên khá giả.

thành đạt. Chuyện kể ra có vẻ cũng li kì như vậy chứ thực tế thì tác giả không hề nói đến diễn biến tâm trạng nhân vật nên cách hành xử, hành động của nhân vật chỉ thông qua lời thoại và rất ngô nghê, ngớ ngẩn, quá đơn giản và dễ dãi. Nhân vật không có nội tâm. Người đọc dễ dàng nhận ra sự hiểu biết ít ỏi của tác giả về văn hoá ứng xử được thể hiện cụ thể trong một gia đình nhà giáo mẫu mực ngày trước nên chỉ đành vô đoán, suy diễn. Hơn nữa, với một bà giáo còn phong kiến như thế thì không bao giờ lại làm cái việc vô lương tâm và mất mặt như thế giữa chợ, giống như mấy bà hàng tôm hàng cá, nhất là khi Hà đang mang đứa cháu của mình trong bụng. Kể cả nếu như có chuyện đó xảy ra thì cũng phải có nguyên do rõ ràng chứ không thể vô lí như thế. Với lại, gia đình ông giáo vốn danh giá, có học nên không thể cố chấp và nông cạn như vậy. Người đọc cũng không thể tránh khỏi sự bức mình vì chẳng biết bằng cách nào và tại sao mà ông bà giáo lại dễ dàng chấp nhận mẹ con Hà một cách đơn giản như thế, sau hàng loạt những việc làm có lỗi của mình. Đây là một câu chuyện được tác giả sắp đặt hết sức lộ liễu, vụng về, không hợp lí và khó chấp nhận. Hơn nữa, dù Vũ Minh Thúy đã cố tình

xây dựng nên khá nhiều chi tiết nhưng nó vẫn chưa thực sự là một truyện ngắn.

"*Đêm toả hương*" là một trong những tác phẩm yếu nhất của tập, yếu đến mức, ngay cả những người mới bắt đầu tập viết cũng có thể viết dễ dàng và viết rất nhanh được một tác phẩm như thế, bởi thực ra, nó không phải là một truyện ngắn, mà chỉ hoàn toàn là một dạng kịch bản cho một câu chuyện truyền thanh với hầu hết là lời thoại của nhân vật. Chắc chắn, tất cả những ai đã đọc truyện này đều rất bất ngờ khi nó được trao giải Nhì trong cuộc thi viết về nông nghiệp, nông dân và nông thôn Hà Nam năm 2002 của Hội VHNT Hà Nam. Tác giả chỉ làm một việc hết sức đơn giản là ghi chép lại, tường thuật lại một cách chi tiết, trung thực những tranh cãi của người nông dân trong một cuộc họp thôn để bàn việc chuyển đổi ruộng đất. Cuộc cãi vã cuối cùng cũng ngã ngũ vào lúc gần một giờ đêm trong niềm vui hân hoan của tất cả mọi người nhờ một thương binh giỏi làm giàu đứng ra phân giải. Trong câu chuyện vui của hai vợ chồng thương binh ấy, tự dưng lại "tòì" ra một nhân vật mới là cậu Trí - con trai của họ. Điều đó làm cho câu chuyện hết sức vô duyên, thừa thãi và không cần thiết vì nó chẳng

ăn nhập gì với nội dung câu chuyện cả. Hơn nữa, chỉ với vài câu thoại mà đã thuyết phục được bà con nông dân thì cần gì phải họp đi họp lại như thế. Nói chung, đây là cách viết mà nhiều người khi bắt đầu cầm bút đã trải qua. Nó ngô nghê, vụng về và hơi buồn cười.

Ở truyện "*Cố hương*", tôi phải vất vả đọc đi đọc lại mấy lần mà vẫn chịu, không hiểu được là tác giả định viết về cái gì, chuyển tải dụng ý gì trong đó. Đại khái là có một cô gái, trước kia tên là Hay, bây giờ đổi tên là Huê, từ miền Nam, trở lại thăm quê nhà, nơi đã diễn ra bao nhiêu biến cố của cuộc đời, suốt từ lúc mới lọt lòng cho đến khi cô khôn lớn. Một câu chuyện rất vu vơ, chẳng đầu vào đâu và cũng chẳng liên quan gì đến tên truyện vì nhân vật kể chuyện là cháu của cô Hay, đang sống ở làng, nơi chôn nhau cắt rốn của cô. Đơn thuần chỉ là những hình dung của đứa cháu qua hoài niệm và lời kể của mọi người. Nhân vật chính là cô Huê thì rất mờ nhạt và người đọc không thể hình dung nổi cô là người như thế nào. Dù Vũ Minh Thúy đã rất cố gắng đưa thêm thật nhiều chi tiết diễn tả những diễn biến trong gia đình của cô Hay để tăng thêm tính truyện nhưng những chi tiết đó lại chẳng ăn

nhập gì với đoạn đầu và đoạn cuối của truyện nên thành ra bị loãng và người đọc dễ dàng nhận ra sự lấp ghép vụng về. Đây chưa phải là một truyện ngắn mà chỉ là một truyện với văn phong của một cô học trò.

"*Xuân chín*" kể về một người đàn ông đa tài, phong lưu nhưng ngang bướng, phóng túng, bừa bãi. Vì vậy, luống tuổi rồi mà vẫn chưa lập được gia đình và cũng phải đợi rất lâu, đến khi tách tỉnh mới tìm được việc làm ổn định, nhưng lại phải chấp nhận rất nhiều thiệt thòi một cách thản nhiên như bản tính vậy. Tài năng của anh cuối cùng cũng đã lọt vào mắt xanh của một cô giáo dạy văn xinh đẹp nhưng do khó tính nên đã hơi quá lứa. Chuyện của họ sau đó như thế nào thì không thấy nói đến mà chỉ thấy tác giả kết luận bằng một câu cụt lủn: "*Còn Nghĩa thì đã hoàn toàn thuộc về cô*". Một câu chuyện lan man, tối nghĩa, lời thoại quá dông dài, rườm rà và không cần thiết. Vẫn là văn phong học trò non nớt, từ ngữ cũ kĩ, sáo rỗng, bố cục cụt lủn, lỏng lẻo. Chẳng phải truyện ngắn, cũng chẳng phải là cái gì cả. Hơn nữa, Vũ Minh Thúy cũng không hiểu được là với một người tài hoa, tính cách ngang tàng, bất cần như thế, nếu như không có một điều gì đó thật

đặc biệt thì không bao giờ lại chịu sự sai khiến của mọi người một cách đơn giản vậy.

"*Ban mai*" là một truyện ngắn có cấu tứ khá hay và quen thuộc, kể lại việc một người đàn ông vì chán đời đâm ra nát rượu, luôn đánh đập, hành hạ vợ con, có tội khi ngủ với cô học trò của vợ và mang cô ta đến nơi khác sống, bây giờ trở về xin được tha thứ. Đây không phải là lần đầu tiên mà rất nhiều lần Hải (*người vợ*) đã mủi lòng tha thứ cho Hùng (*người chồng*) nhưng rồi anh ta vẫn chứng nào tật ấy, chỉ được vài ngày tử tế. Vậy mà lần này, Hải vẫn lại tiếp tục tha thứ cho Hùng sau khi anh ta hứa với chị những câu quen thuộc trước kia. Câu chuyện chỉ đơn giản như thế và kết thúc là niềm tin của Hải vào Hùng. Cách dựng truyện hơi hợt nên nhân vật có quá nhiều mâu thuẫn, quá nhiều kịch tính mà người đọc lại không cảm nhận được những bi kịch, những dần vật, vật vã, xấu hổ, ê chề trong tâm trạng các nhân vật. Tất cả chỉ là do nhân vật tự kể lại thông qua những lời đối thoại với nhau hết sức đơn điệu, nhàm chán. Một câu chuyện làm người đọc thấy coi thường Hải, dù công bằng mà nói thì chị là một phụ nữ tuyệt vời. Nhưng với những tội lỗi tày trời như thế, muốn được tha thứ, Hùng phải như

thế nào, phải có những hành động gì, những việc làm cụ thể gì để thể hiện sự hối cải, nhất là khi anh ta đã nhiều lần bội tín và hai người đã li dị nhau 9 năm rồi, chứ không chỉ bằng vài lời thú tội, xin lỗi là mọi chuyện kết thúc đơn giản như thế. Nếu vậy thì Hải là một người đàn bà nông cạn và hèn hạ.

"*Hương sen*" chưa phải là một truyện ngắn, mà chỉ là một câu chuyện tình kể về mối tình giữa Sen - con gái ông thợ xây và Tạ - con trai ông thợ mộc đều vì mê hát chèo mà yêu nhau và gắn bó với nhau. Chuyện chỉ có thể chú nhân vật chẳng có tâm trạng gì. Kết truyện cụt lủn làm cho người đọc thấy mối tình của họ "kịch" quá, giống như trên sân khấu vậy. Không có rung động, không vương vীu gì trong tâm tưởng mà vẫn yêu và lấy nhau, có lẽ chỉ có trong truyện của Vũ Minh Thuý.

Phải đọc tới "*Cánh lục bình*" mới thấy được một tác phẩm mang dáng dấp của một truyện ngắn khá rõ ràng và cũng đã khắc hoạ được chút ít nội tâm của nhân vật nên các nhân vật có vẻ "đời" hơn, thật hơn. Đây là một câu chuyện xúc động và phức tạp với nhiều nhân vật, nhiều lớp cảnh nhưng người đọc vẫn không thể day dứt được bởi lối kể quá đơn điệu, buồn tẻ nên không gây được cảm xúc, không níu giữ

được tâm trạng của mọi người. Nhân vật chính kể lại câu chuyện của gia đình người bác ruột là bộ đội, đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, xoay quanh 4 người con của bác: chị Hoà lớn nhất, anh Dũng thứ hai, anh Vụ thứ ba và chị Hiền là út. Thi trượt đại học, Hiền vào thành phố Hồ Chí Minh ở với bố nhưng vì gian nhà tập thể quá chật nên Hoà đành phải đón em gái về nhà mình ở. Chồng Hoà vừa bị kỉ luật đuổi việc, nằm dài ở nhà, thấy Hiền xinh đẹp đã nảy sinh ý đồ xấu, tìm cách cướp mất sự trong trắng của Hiền. Nhục nhã, Hiền tự tử nhưng không chết, bị tâm thần phải chuyển đến nhà Vụ ở để khỏi ám ảnh chuyện cũ. Vợ Vụ vốn là người đàn bà tăn tảo, cơ cực, vừa phải lo chăm sóc bố chồng ốm liệt giường, vừa phải chạy chợ buôn bán nhỏ để vun vén cho cả gia đình nên hay cáu bẳn và khó tính, luôn tìm cách hành hạ Hiền cho bõ tức. Vụ thì không thấy tác giả cho xuất hiện bao giờ. Chị Hoà đành phải đưa Hiền vào trại tâm thần vì chính bản thân chị cũng không thể giải quyết nổi chuyện li hôn với chồng. Chuyện chỉ có vậy, cũng chẳng thấy có ẩn ý gì về cánh lục bình như tên của truyện. Đáng lẽ, truyện nên kết thúc ở đây thì Vũ Minh Thúy lại viết thêm đoạn cuối rất dài để kể về

chuyến đi thăm gia đình cô cháu họ ở Vũng Tàu cùng với những triết lí sống chằng đâu vào đâu. Rồi ngay cả khi đến thăm gia đình anh Dũng, thấy gia đình anh sống rất êm ấm, hoà thuận, hạnh phúc, tác giả cũng đưa vào đó vài lời ca cảm rất nhạt nhẽo. Kết thúc truyện là việc nhân vật chính lên tàu ra Bắc. Chẳng liên quan gì đến nhau. Luẩn quẩn và bế tắc. Một cã đầu!

"Mùa hoa phượng đang về" không phải là truyện ngắn, mà đơn giản chỉ là một câu chuyện được kể lại bằng ngòi bút và giọng văn của một cô học trò mới bắt đầu tập viết những sáng tác đầu tay: non nớt, vụng về, dông dài, lan man và hơi hợt. Chuyện kể về Hà và My là hai người bạn được sinh ra trong hai thế giới khác nhau: một sống trong nhung lụa, giàu có và người kia rất nghèo khổ nhưng cả hai lại chơi rất thân với nhau và luôn giúp đỡ nhau rất chân thành. Họ học cùng một trường đại học, cùng một lớp thời sinh viên và sau này đều cùng thành đạt. Chuyện có đi sâu vào số phận nhân vật My hơn nhưng quá sơ lược và đơn giản, không khác mấy một bản báo cáo thành tích vượt khó của My nên không gây được xúc động cho người đọc.

"*Thiên thần*" là truyện ngắn khá nhất trong

tập, cho thấy tác giả cũng chịu khó quan sát cách chơi đùa, nghịch ngợm, cách lí giải vấn đề và những ngôn ngữ giao tiếp của trẻ con. Truyện khá chững trạc từ ngôn từ, câu từ, bố cục đến kết thúc. Lối viết trong sáng, mộc mạc, so với những truyện ngắn khác thì xem ra có vẻ "nghề" hơn. Một câu chuyện xinh xắn, trong trẻo viết về trẻ con nên cách nghĩ, cách hành xử đúng với tâm lí của một đứa trẻ. Nó mang lại cho người đọc một dư vị lạ, một cảm giác âm áp, trong sáng, thánh thiện nhưng cũng chỉ dừng lại ở đây, giống như một câu chuyện cổ tích, không thể loé sáng lên được ý tưởng và bút pháp của tác giả. Nhìn chung thì đó vẫn chỉ là một truyện ngắn đơn giản, dễ viết.

"*Hậu phiên tòa*" là một mô típ cực kì quen thuộc, đã được nhiều người viết rất hay. Nhưng ở đây, nó lại hơi bị lửng lơ về thể loại khi chưa đạt đến tầm của một truyện ngắn, dù tác giả đã rất cố gắng hư cấu giấc mơ của Cúc để làm cho câu chuyện hư ảo và có yếu tố "truyện" hơn. Đó là việc mấy chị em ruột thịt tranh giành nhau, đua nhau ra tòa chỉ vì mảnh đất mà trước khi qua đời, người cha đã để lại, nay bỗng nhiên có giá. Tuy vậy, giải quyết mâu thuẫn thế nào, đẩy câu chuyện lên thành truyện ra

làm sao thì Vũ Minh Thuý hoàn toàn không làm được.

Có lẽ, nếu tập truyện ngắn này không được giải thưởng Nguyễn Khuyến và nếu như tôi không có ý muốn viết vài dòng cảm nhận về truyện của chị, tôi đã không phải vất vả đọc nó một cách kỹ càng, cẩn thận và hết sức nghiêm túc như thế. Điều đó làm cho tôi bị mệt vì buồn và chán nản bởi tập sách đuối quá. Hầu hết các truyện đều yếu và chưa đạt yêu cầu về mặt thể loại, thể hiện một sự non nớt về bút pháp và tay nghề. Ngay cả đầu đề của tập truyện là "Đôi bờ" cũng cho người đọc nhận ra khả năng tổng hợp vấn đề, kỹ năng gọi tên vấn đề của tác giả còn yếu, bởi hầu hết, tên các truyện ngắn đều không ăn nhập mấy với nội dung. Vẫn biết truyện ngắn "Đôi bờ" là chị viết về mình, về nỗi lòng với người chồng quá cố, nhưng nếu tình tảo hơn, theo tôi thì nên lấy tên truyện ngắn "Giò đồng mênh mang" để đặt tên cho cả tập sách sẽ gọi hơn, bao hàm hơn, khái quát hơn, ấn tượng hơn và chắc chắn sẽ nói lên được nhiều điều. Cũng xin được nói thêm về những cảm nhận, những suy nghĩ rất cụ thể của tôi khi đọc tập truyện này, dù chắc chắn là chị và nhiều người có thể không bằng lòng, không thích.

Điểm yếu nhất và cũng là nguyên nhân dẫn đến những yếu kém khác ở Vũ Minh Thuý là chị không thể điều khiển nổi ngòi bút và cảm xúc theo ý muốn của mình. Người đọc có cảm giác, mỗi khi Vũ Minh Thuý đặt bút viết, ngòi bút của chị cứ bị những cảm xúc, những suy nghĩ lan man kéo đi, không thể dừng lại được. Kể cả khi đọc lại, chị vẫn luôn bị cảm xúc khống chế nên không đủ tỉnh táo nhìn nhận những khuyết điểm, những điểm yếu, thiếu sót, những cái chưa được của truyện để sửa chữa, bổ sung. Giá như, khi chị viết xong, cứ tạm quên tác phẩm đó đi, thật lâu sau, khi những cảm xúc và những ý niệm về tác phẩm đó không còn trong suy nghĩ thì mang nó ra, đọc lại sẽ phát hiện những chỗ chưa được, những gì cần viết thêm, viết lại. Thật tiếc là hình như chị không có thói quen đó, không có khái niệm sẽ làm việc này và có lẽ là mỗi khi viết xong, chị coi như tác phẩm của mình đã hoàn thiện.

Việc không làm chủ được ngòi bút đã khiến cho Vũ Minh Thuý thường chỉ biết bắt đầu, mở đầu một câu chuyện rồi để câu chuyện tự đưa đẩy, tự phát triển, còn ngòi bút của chị thì chìm ngìm trong hàng đống tình huống và lời thoại nên rất lóng ngóng, vụng về trong việc triển khai nội dung, tình

huống của truyện và đặc biệt là cực kì yếu trong việc khép lại một truyện ngắn. Mỗi truyện ngắn, khi phải kết thúc đều làm chị bối rối, lúng túng, không biết xử lí thế nào và phải vấp vả lắm, chật vật lắm chị mới đưa ra được những cái kết chẳng đâu vào đâu. Thông thường, truyện ngắn thường có hai kiểu kết là đóng và mở. Kết mở hiện nay thường được lựa chọn nhiều hơn, dù nó rất khó nhưng nó lại giúp người viết tôn trọng sự tự do tuyệt đối trong tư duy của người đọc và bắt người đọc phải nghĩ nhiều, phải bị ám ảnh. Nhưng dù có đóng hay mở thì kết truyện bao giờ cũng là sự cởi bỏ những nút thắt mà người viết đã làm ở những phần trước.

Hầu hết những truyện ngắn của Vũ Minh Thúy đều mang dáng dấp của một tản văn: giàu chất tự sự và kể lể lan man làm cho các sự vật cứ tãi ra đấy, các chi tiết, tình huống cứ bày đầy ra đấy nhưng lại chẳng để làm gì, chẳng cái nào liên quan đến nhau. Có nhà văn đã từng nói đại ý là: trong cuộc sống cũng như trong tác phẩm văn học, người viết phải luôn biết mình sẽ làm gì với những thứ mà mình vừa bày ra, cũng giống như khi đặt khẩu súng lên bàn, phải biết nó sẽ được dùng để làm gì và sẽ được xử lí như thế nào, chứ không thể để ra đấy rồi bỏ đi,

chắc chắn sẽ gây tai hoạ.

Người đọc cứ có cảm giác là Vũ Minh Thuý mỗi khi đặt bút viết đều chưa hình dung nổi diễn biến và kết cục câu chuyện của mình, về số phận, tính cách các nhân vật nên chỉ viết từng đoạn, từng đoạn một rồi dừng lại để ngẫm nghĩ tiếp. Vì vậy mà các truyện của chị thường không liền mạch, hay bị đứt khúc, gãy vụn ra từng đoạn và bị chấp nối, vá vúi chằng chịt với nhau nên khá rời rạc, không ăn nhập thành một khối hoàn chỉnh. Chính vì thế, các truyện của chị chủ yếu được sắp xếp, gắn kết các chi tiết rời rạc vào với nhau chứ ít khi, hay hầu như không miêu tả, diễn tả được tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật nên không thể làm nổi bật được tính cách của nhân vật. Mỗi câu chuyện chị viết, vì thế đều có quá nhiều lời thoại rườm rà, không cần thiết. Nó làm cho câu chuyện bị loãng. Đó là cách viết của những người mới bắt đầu cầm bút. Nội dung và đề tài chị khai thác đều cũ kĩ, quen thuộc nhưng chị lại không thổi được vào đó một cái nhìn mới, một cách tiếp cận vấn đề mới và một cách thể hiện mới, thành ra người ta không muốn đọc vì nó không hay bằng những cái người khác đã viết. Với những truyện tình, bao giờ chị cũng cho nhân vật xuất hiện trước

rồi sau đó ca ngợi nhân vật nữ là xinh đẹp, giỏi giang. có nhiều người để ý nhưng chỉ yêu mỗi người đàn ông bây giờ nên khổ... Một mô típ cũ kĩ và một lối viết cổ điển có từ trước Cách mạng tháng Tám của nhóm Tự lực văn đoàn mà bây giờ chẳng còn ai viết theo kiểu đó nữa. Cấu trúc truyện nào cũng na ná như nhau và dù có không giải quyết được các mâu thuẫn nhưng bao giờ chị cũng đưa ra một cái kết có hậu, cố gắng làm tròn trịa câu chuyện, dù những chi tiết đó chẳng có quan hệ gì với nhau. Bó cục vì vậy đơn giản và lỏng lẻo, ngôn ngữ thì tham lam và lỏng vòng vì tác giả sợ người đọc không hiểu được hết những gì mình viết. Bởi vậy mà truyện nhạt và hời hợt.

Tập truyện "Đôi bờ" cũng bộc lộ những điểm yếu "chết người" đối với người viết truyện ngắn. Đó là việc chị không biết dựng truyện, hay nói đúng hơn là dường như chị không có quan niệm về dựng truyện, phải dựng truyện, mà chỉ biết kể, thuật lại câu chuyện xảy ra một cách đơn giản nhất. Vì vậy mà nhân vật trong truyện cứ vật vờ, ngô nghê, vô hồn vô cảm, sống với nhau, nói chuyện với nhau mà cứ như đang diễn kịch trên sân khấu vậy, rất thiếu tính hiện thực và tính "đời".

Cả tập truyện, tôi chỉ đọc chưa đầy nửa ngày đã xong. Và chẳng động lại điều gì trong đầu ngoài nỗi buồn dành cho tác giả của nó. Tôi có cảm giác rằng, dường như chị đang bất lực trước ngòi bút và dù mới ngoài 40 tuổi, nhưng có lẽ chị cũng không thể đi xa thêm được nữa trên con đường văn chương, bởi trước mặt chị là hai bờ của một con sông quá rộng, khi bờ bên này là sự khởi đầu thì chị cũng đã xuất phát từ lâu rồi, còn bờ bên kia là bến đỗ, là sự thành công thì đối với chị, nó còn xa vời quá, cách trở quá. Con sông thì quá rộng và quá nhiều sóng gió. Còn chị thì mỏng manh và yếu đuối như một con dò nhỏ, làm sao có thể sang sông? Cái mà chị cần nhất bây giờ, tôi nghĩ rằng, đó là việc phải thay đổi cách viết; phải thay đổi cả tư duy truyện ngắn nữa thì mới có thể trưởng thành, mới có thể đi được xa hơn.

Rất thật lòng, tôi nghĩ, Vũ Minh Thúy nên dừng lại một thời gian cho cảm xúc của mình già dặn hơn, cho ngòi bút chững trạc hơn rồi mới viết tiếp, bởi cứ viết truyện ngắn theo lối mòn này sẽ đưa chị vào ngõ cụt. Trong thời gian tạm dừng đó, chị cần trăn trở, dằn vặt, day dứt nhiều hơn để tìm ra lối đi mới cho mình, tìm cách làm mới mình, thậm chí "lột xác" được thì cực kỳ tuyệt vời. Điều đó rất khó nhưng

không thể không làm. bởi muốn đi xa được, hầu như người viết nào cũng phải làm như thế. Cũng có thể, chị chuyển sang viết một thể loại khác. đừng dụng đến truyện ngắn nữa để xem mình mạnh ở lĩnh vực nào. Tất nhiên, muốn làm được điều đó, đòi hỏi phải có sự dũng cảm, phải dám vứt bỏ một số thói quen, phải biết chấp nhận thử thách và dám đương đầu với nó. Phải thế thôi, cứ chử như thế này thì chỉ một, hai năm nữa thôi, người ta sẽ không còn biết đến ai là Vũ Minh Thúy nữa.

Trại sáng tác Đông Mô - Hạ Tay

Tháng 7 - 2007

Nuôi tiếc một chiều heo may

Lâu nay, mỗi khi có ai đó hỏi quan điểm của tôi về thơ Hà Nam hiện nay, bao giờ tôi cũng rất thẳng thắn, không chút ngại ngùng mà nói rằng chỉ thích và hy vọng nhất vào hai người là Phạm Lê và Nguyễn Hải Chi. Thực ra thì không chỉ có mình tôi, mà tất cả những ai quan tâm đến thơ Hà Nam và có chút khả năng thẩm định thơ đều có chung cách nhìn như vậy. Trong bối cảnh thơ cả nước nhìn chung khá đều đều, trầm lắng và đồng điệu, rất ít và rất khó có được sự vượt trội, sự bút phá hẳn lên để ai cũng có thể nhìn thấy, ai cũng có thể cảm nhận được, ngoại trừ sự gào thét điên cuồng đòi khẳng định cái "tôi" của một số cây bút trẻ coi sex là lợi thế như hiện nay thì thơ Hà Nam cũng như của hầu hết các tỉnh đều rất khó tìm được một cái gì đó để có thể mang đi khoe với mọi người, để mọi người biết đến thơ của tỉnh mình. Nhưng ở Hà Nam, tôi dám khẳng định là có thể mang thơ của Phạm Lê và Nguyễn Hải Chi đi khoe mà không sợ bị xấu hổ và

tôi đã từng nhiều lần làm điều đó. Tất nhiên, nhiều bạn bè, nhất là những người viết trẻ có phần nản là chưa biết đến hai tên tuổi này nhưng tôi vẫn bảo vệ quan điểm của mình và cho rằng: ít người biết đến họ là bởi họ chỉ biết làm thơ chứ không biết làm rùm beng lên để người khác chú ý đến thơ của mình. Cứ đọc thơ của họ đi rồi sẽ hiểu được nhận định của tôi! Tôi sẽ nói về Nguyễn Hải Chi trong một bài cảm nhận khác, còn trong mấy dòng suy nghĩ này, chỉ xin được nói đôi điều về tập thơ "*Với em chiều heo may*" của Phạm Lê được Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 2005.

Phải thừa nhận ngay rằng, đây là một tập thơ khá. Với ngòi bút khá chắc, khá chuyên nghiệp, khá sắc sảo và tài hoa, mà nói chung là có "*nghe*", hầu hết các bài thơ ở trong tập đều đạt từ mức trung bình khá trở lên. Dù chưa có được bài thơ nào thực sự nổi bật làm cho người đọc phải tốn nhiều thời gian để cảm nhận, để ngẫm ngợi, để nhâm nhi nhưng trong số hàng chục tập thơ của Hà Nam được xuất bản trong vòng 10 năm qua thì "*Với em chiều heo may*" thực sự đã nổi trội hẳn lên, khiến mọi người đều có thể dễ dàng nhận ra, dễ dàng nhìn thấy. Cũng không hiểu vì lí do gì mà tập thơ lại

được mang một cái tên mềm mại và thơ đến thế, khi tôi biết rằng, lúc đầu, ý định của Phạm Lê đặt tên tập thơ là: "*Mình hát mình nghe*", nhưng thực sự thì cái tên "*Với em chiều heo may*" đã thể hiện được khá đầy đủ cảm xúc chủ đạo của cả tập và nó đã mang đến cho người đọc một lí do để tò mò, để cảm nhận tập sách vì mấy ai có thể hững hờ, vô cảm trước một chiều heo may?

Tập thơ chỉ có 44 bài nhưng khá đa diện, đa chiều và người đọc đã thực sự xúc động trước cuộc sống nội tâm đa đoan, đa cảm và khá sâu sắc của tác giả. Tập thơ được chia làm hai phần. Phần đầu có 34 bài nhưng ông không đặt tên. Có lẽ, tác giả cũng rất bối rối nên chẳng biết đặt tên thế nào cho phù hợp, đành cứ để vậy cho người đọc tự cảm nhận, tự đặt tên theo suy nghĩ của mỗi người. Có thể nói, tất cả những cái hay, những điểm mạnh trong thơ của Phạm Lê đều nằm cả ở phần này nên có thể đặt tên là "*Với em chiều heo may*" theo tên của tập thơ cũng được. Phần cuối chỉ có vắn vắn 10 bài, được Phạm Lê đặt tên là "*Một thời để nhớ*". Thực sự thì đúng là một thời để nhớ, để ông và những người cùng thời với ông nhâm nhi, hoài niệm, chứ người đọc không cảm nhận được nhiều vì những điều có

trong đó đã được nhiều người khác nói đến và nói rất hay. Nói chung, phần hai, thơ của ông hơi hiền và khuôn mẫu, kể cả những bài nói về tình yêu nên chưa hấp dẫn. Điều này khiến cho người đọc hơi bị hẫng khi đang xúc động với phần thơ trước. Giá như, Phạm Lê không tách bạch ra thành hai phần như vậy mà trộn lẫn chúng vào nhau để tạo nên cảm xúc đan xen giữa quá khứ và hiện tại trong lòng người đọc, có lẽ giá trị của tập thơ sẽ được nâng cao hơn. Nếu là ông, một người đã làm thơ ngót nghét ba mươi năm, đã trưởng thành trong khói lửa của chiến tranh, thì tôi sẽ khắt khe hơn với chính mình khi chọn thơ để in tập. Với tập thơ này, tôi chỉ để từ 37 đến 39 bài là đủ, một số bài còn đuối hoặc do muốn thể hiện triết lí trong đó nhưng chưa tới tâm, chưa bật ra được khiến người đọc thấy bực mình vì sự tối nghĩa, khó hiểu như: *Đồng vàng, Thu quê, Nén...* nên bỏ ra. Như thế, tập thơ sẽ hay hơn vì trong thơ có muốn triết lí điều gì đi nữa thì người đọc cũng phải hiểu được, chứ cứ như một số người khi viết truyện cười xong, tự đọc lại và cười sặc sụa nhưng đưa cho người khác đọc, chẳng thấy ai cười thì lại chê họ không biết cảm nhận. Thơ viết ra là để cho công chúng chứ có phải chỉ để cho mình đọc đâu.

Phong cách thơ Phạm Lê khá cũ và truyền thống với lối viết quen thuộc, cấu tứ đơn giản, ngôn ngữ chín chu nhưng người đọc vẫn khá bất ngờ và không cảm thấy nhàm chán bởi sự tìm tòi hình ảnh và bút pháp thể hiện khá chuyên nghiệp của ông. Người đọc cảm thấy khá thú vị khi được Phạm Lê dẫn đi loanh quanh mấy địa danh ở Hà Nam thôi, quen thuộc lắm, gần gũi lắm mà lại vô cùng lạ lẫm và mới mẻ với một không gian đậm chất thôn dã của làng quê Bắc bộ. Nhưng nếu chỉ có thế, người ta cũng chẳng thích thú được lâu, đằng này đến rồi, chẳng ai muốn rời bước nữa vì những câu chuyện của ông rất hay, vì những suy nghĩ của ông rất lạ, rất thú vị và vì mọi người dễ dàng gặp ở những nơi này những cô thôn nữ đẹp đến nao lòng:

Cùng em cào hến vớt bèo

Thả bông hoa gạo trông theo nổi buồn

(Chiều ấy Sông Châu)

Dốc Bòng Bong bói rồi gió lừng đèo

Em ngô hện bâng khuâng đôi sim tím.

(Chi Nê, chiều gặp lại)

Những địa danh quen thuộc như Sông Châu, Kèm Trống, Đọi Tam, Tảo Môn, Chi Nê... đến những

miền đất xa xôi hơn như Tam Đảo, Đại Lải, Hạ Long, Hà Giang, Hòn Chông (*Nha Trang*)..., ông đều có những phát hiện rất thú vị:

*Với Nha Trang, tôi như kẻ đại khờ
Biển đẹp thế, phố phường dài rộng thế
Tôi tìm em loanh quanh chiều Đồng Đế
Phố đổi tên, nhà cũ chủ thay rồi!*

(Hòn Chông và tôi)

*Dốc dài em níu tay anh
Hái chùm hoa dễ ngại cành tươi non*

(Đảo chìm)

*Bóng em đã khuất sau nương
Bồi hồi ngọn núi mây buông hững hờ*

(Một thoáng Hà Giang)

Người đọc dễ cảm nhận được ở thơ Phạm Lê là sự ngẫm ngợi. Thơ ông rất tâm trạng. Dường như ông là người hay nghĩ nên nhìn thấy gì, nghe thấy gì cũng nghĩ. Nghĩ để cảm nhận cuộc sống đang thay đổi. Nghĩ để so sánh giữa cái mới và cái cũ, quá khứ và hiện tại. Nghĩ để nhớ thương những gì đẹp đẽ của một thời đã xa chỉ còn trong ký ức. Nghĩ để chiêm

nghiệm cuộc sống. Đó là những suy nghĩ, những trăn trở đau đầu của ông về những vùng quê, những con người mà ông đã gặp. Những suy nghĩ ấy không chỉ thoảng qua trong chốc lát mà nó đeo đẳng, níu kéo tâm thức của ông trong những lúc ông chỉ có một mình. Mà ông thì lại hay ở một mình, hay tách khỏi mọi người để một mình đắm chìm vào những hoài niệm. Đọc thơ ông, người ta thường bắt gặp hình ảnh Phạm Lê một mình lang thang, một mình lặn lội đến và đi khắp nơi để quan sát và chiêm nghiệm, so sánh và tiếc nuối. Rất mừng là những tiếc nuối ấy đã không làm cho ông buồn bã, dằn vặt mà lại làm cho ông nhận ra được những giá trị đích thực của cuộc sống, nhận ra những gì tốt đẹp, lấp lánh trong mỗi con người, mỗi vùng quê. Những ngẫm ngợi ấy thật tinh tế, nhiều khi đã đưa ngòi bút của Phạm Lê đến với những triết lí khá sâu sắc về cuộc sống:

Trâu già để lại tâm da

Mít già dành cho thớ gỗ

Mây tre một đời nắng gió

Mà thành tiếng sấm tiếng mưa

(Tiếng trống Đọi Tam)

Khi ôm nằm một mình

Mới biết các tu sĩ ẩn Độ có lí

Mọi ham muốn khước từ nơi cuộc đời trần thế

Khoác áo da dê thiền định trước sông Hằng

(Khi ôm. nằm một
mình)

Cả tập thơ, tôi thích nhất bài "*Mưa lay trắng đồng*". Có lẽ đây cũng là bài thơ hay nhất, thành công nhất trong mấy chục năm cầm bút của ông. Bài thơ thực sự lay động tâm can người đọc, làm cho người đọc xúc động rưng rưng với nhiều câu thơ rất gợi:

Chị nằm bên ngọn núi này

Vẫn nghe sông Đáy vui đây tháng năm...

... Tần ngần rồi cỏ ven đê

Nén hương cháy đỏ bốn bề rừng rưng

Một đời chân đất nâu sông

Khăn thấm mỡ quạ gió đồng hắt hiu.

Sờn vai áo bạc nắng chiều

Bắt cua bờ đõn xúc bèo đầm hoang...

Em về thăm chị chiều nay

Còn xanh cỏ ướt mưa lay trắng đồng.

Bài thơ đã làm cho tôi xúc động và ấn tượng mạnh. Đọc xong cả tập thơ cũng chỉ thấy đọng lại cảm xúc về bài thơ này là rõ rệt nhất. Đây là một bài thơ hay và chắc chắn nó còn đủ sức để thuyết phục những người khó tính nhất ở nhiều thế hệ.

Đọc xong "*Với em chiều heo may*" thấy thơ Phạm Lê buồn, một nỗi buồn man mác, nhẹ nhàng, một nỗi buồn của người đi nhật nhạn, chấp vạ những mảng ký ức và hay hay đi tìm lại những giá trị cổ xưa ẩn giấu, lẫn khuất, lẫn trong cái mới, cái đương đại. Với thế hệ 8X, đặc biệt là 9X hiện nay thì rất khó cảm nhận thơ ông vì những điều ông nói hầu hết là quá khứ của ông mà bây giờ giới trẻ ít quan tâm, ít để ý, thậm chí cũng khó mà tìm thấy được, dù là ở một vùng quê nghèo. Nhưng chắc chắn họ sẽ hiểu và quý trọng những suy nghĩ của Phạm Lê vì nỗi buồn trong thơ ông, sự ngậm ngùi trong thơ ông không đồng nghĩa với sự trách cứ, oán thán, cũng không phải muốn níu kéo mà đơn giản chỉ là sự chiêm nghiệm vì ông hiểu tất cả sự thay đổi đó

đều là quy luật. Mà đã là quy luật thì phải chấp nhận và không thể nào thay đổi. Điều này làm cho giọng điệu thơ và cách nhìn nhận cuộc sống của ông trẻ trung hơn nhờ những cảm xúc chân thành, nồng ấm. Nhiều lúc người ta thấy ông cũng khá lúng liếng, khá lẳng lơ và đó là sự trẻ trung trong tâm hồn - một điều vô cùng đáng quý và cần thiết ở người sáng tác:

Chẳng còn gì giữ lại cho anh

Thư em, anh đốt rồi. Lời em, anh trả gió

Nước mắt cũng cạn khô, trái tim thôi trần trở

Anh trốn tình yêu như trốn khỏi xích xiềng!..

... Nay bất ngờ lật nhật kí năm xưa

Gặp lại những dòng em ghi buổi ấy

Mỗi nét chữ bỗng như run rẩy

Mà lạ lòng anh lại ghé môi hôn!

(Ngô là)

Anh đợi chờ

Hoá đá

Bởi mong em!..

(Muộn)

Hoàng Trọng Muôn

Thủ bản về văn học Hà Nam đương đại

79

Nhìn chung, "*Với em chiều heo may*" là một tập thơ dễ đọc, dễ cảm và dễ được mọi người đón nhận, bởi cảm xúc và bút pháp có nghề của Phạm Lê. Chỉ tiếc rằng, ông chưa thể đi được đến tận cùng cảm xúc của mình để gạn lọc hết những điều lộn xộn, vu vơ ấy đi, xem cái còn lại cuối cùng là gì để bật nó lên, thăng hoa nó lên. Nhưng như thế thì đã tài hoa quá và tập thơ hoàn chỉnh quá. Dù sao thì ông đã thành công với tập thơ khi đưa được những suy nghĩ, những tình cảm của mình đến với người đọc khá sâu sắc. Ngay từ khi chưa nộp Ban tổ chức để tham dự giải thưởng Nguyễn Khuyến, tôi đã định ninh là nếu nó dự thi thì nhất định sẽ giành giải Nhất. Và thực sự thì đánh giá của tôi đã được khẳng định, khi Ban giám khảo của Hội Nhà văn Việt Nam đã xếp tập thơ vào giải Nhì. Chỉ tiếc rằng, do quy chế của giải còn khắt khe và do Phạm Lê còn tham lam khi xếp quá nhiều bài thơ đã in ở những tập trước vào đây mà Ban tổ chức phải gạt tập thơ ra khỏi giải thưởng. Một chút tiếc nuối, một chút buồn là những cảm xúc mà "*Với em chiều heo may*" đã mang lại cho người đọc. Đó đã là một thành công.

Tháng 4 - 2007

Tri âm với người quá cố

Trong số khoảng 100 hội viên của Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) Hà Nam thì Nguyễn Ngọc Vũ là người có tuổi đời của một hội viên ít ỏi nhất bởi kể từ lúc được kết nạp vào Hội, cho đến lúc ông lâm bệnh qua đời, thời gian sinh hoạt của ông ở bộ môn Thơ cũng chưa đầy 3 năm. Vì vậy mà tôi ít được đọc thơ của ông, dù đã được ông tặng cho tập thơ đầu tay: "*Dải yếm quê*" và thỉnh thoảng, cứ có bài thơ tứ tuyệt nào đó được in trên tạp chí *Tài Hoa Trẻ*, ông đều mang đi khoe hết lượt tất cả mọi người. Ngay cả tập "*Đa mang hương đồng*" là tập thơ thứ hai và

cũng là tập thơ cuối cùng của ông, vừa mới ra đời đã gây xôn xao đời sống văn học trong tỉnh, khi nó mang trên mình chằng chịt những vết sẹo do sự tai tiếng mang lại, bởi một số hội viên lên tiếng phản ứng gay gắt, thậm chí nhiều người còn dọa là sẽ làm đơn kiện vì ông đã đạo thơ của họ một cách thô bạo. Họ đã chỉ ra rất nhiều câu thơ bị ông đạo nguyên si, nhiều câu được sửa chữa một chút, thậm chí có những bài được ông đạo lại gần như toàn bộ từ một số bài thơ khác nhau, rồi vụng về lắp ghép lại. Nhiều hội viên đã phát hoảng lên trước nguy cơ xảy ra một cuộc chiến bản quyền nảy lửa sẽ làm sút mẻ tình cảm của mọi người, sẽ làm cho uy tín của văn nghệ sĩ trong tỉnh bị tụt dốc thảm bại trong con mắt của công chúng, nhưng may mắn là cuối cùng thì đã không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Mà nguyên nhân chính của sự việc này, xét cho cùng cũng là do ông quá yêu thơ, luôn sợ mình không sánh đôi được với thơ, luôn muốn được đánh bóng thơ của mình trước con mắt của mọi người, trong khi tài năng và bút lực còn hạn chế, nên cũng khó có thể điều khiển được câu chữ theo ý muốn của mình.

Phải thừa nhận rằng, kể từ khi biết ông, tôi thấy ông là người yêu thơ đến cuồng dại, thậm chí

còn có thể gọi ông là một tín đồ của thơ, bởi đi đâu, làm gì, gặp ai, ông đều nói về thơ trong những câu chuyện của mình, đều chăm chăm nghĩ về một tứ thơ nào đó, hoặc là đọc thơ một cách say sưa cho mọi người nghe mà chẳng cần biết họ có thích nghe hay không, đến nỗi, từ lâu lắm rồi, người dân thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục đã phong ông là "*nhà thơ*" và mỗi khi đến đây, chỉ cần hỏi thăm "*Vũ nhà thơ*", bất kỳ ai cũng biết và chỉ nhà giúp một cách tận tình. Chỉ tiếc là ông đã không phân biệt được tình yêu thơ và khả năng làm thơ là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau, nên cứ hùng hục viết, cứ hồn nhiên đọc, gây cho mọi người sự khó chịu, sự bức mình và cả sự hiểu nhầm nữa. Dù sao thì đó cũng không phải là điều đáng trách, bởi ai lại nỡ đi trách người vì quá yêu thơ mà làm phiền đến mình!

Tôi cũng đã đọc đi đọc lại tập thơ "*Đa mang hương đồng*" của Nguyễn Ngọc Vũ mà cũng không thể nào lí giải nổi là tại sao nó lại được trao giải Nhì - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến lần thứ V (2001 - 2005) của UBND tỉnh Hà Nam, nhất là khi nghe được một số lời phàn nàn của các hội viên Hội VHNT. Chưa bao giờ và chưa tập thơ nào tôi lại đọc nhanh như đọc tập thơ này. Đọc một lèo khoảng

mười phút là xong. Đọc xong mà vẫn như chưa đọc. Tôi đọc lại từ đầu và cố tình nhấn nhá chậm hơn nhưng vẫn rất nhanh. Không biết có phải tập thơ toàn là thơ tú tuyệt nên mới có thể đọc nhanh như thế? Có lẽ là không phải, bởi tôi có một tật rất xấu là nếu gặp bài thơ hay hoặc bài thơ nào thích, bao giờ cũng ngắc ngứ ở đó hàng tiếng đồng hồ, có khi còn mang ra xem đi xem lại mấy lần và ngừng đọc khá lâu để ngẫm ngợi, để tâm nhi thường thức, để hoà tan cảm xúc của mình vào đó. Có thể là do tập thơ quá mỏng nên tôi đọc nhanh? Cũng không hẳn, vì với gần 80 trang, nó còn dày dặn hơn nhiều những tập thơ khác. Cũng có thể nội dung của nó quá nghèo nàn, cách viết lại quá đơn giản, câu chữ nôm na, dễ dãi nên nó cứ trôi tuột tuột mà không có cách nào hãm lại được.

Công bằng mà nói, trong số 5 tập thơ được trao giải chính thức, cộng với hai tập thơ được tặng thưởng thì *"Đa mang hương đồng"* là tập thơ yếu nhất. Yếu vì nội dung của tập thơ cứ luẩn quẩn mãi chuyện hương đồng gió nội cũ mèm, làm cho người đọc sốt cả ruột nhưng chẳng tìm ra một điều gì mới mẻ, đặc sắc, riêng biệt cả, cứ na ná giống nhau và hao hao giống mọi người. Trong sáng tạo văn học

nghệ thuật, những văn nghệ sĩ có tư cách, có trách nhiệm, có tài năng luôn sợ nhất hai điều: bắt chước người khác và lặp lại chính mình, thì trong tập thơ này, cả hai điều đó đều có cả và được thể hiện rất rõ ràng. Yếu vì bút pháp thơ còn non, còn thiếu sự rung động, thiếu sự sáng tạo, thiếu bản lĩnh... nên nhiều hình ảnh thơ cứ lặp đi lặp lại hết bài này đến bài khác mà chẳng mang một giá trị nghệ thuật nào. Yếu bởi cách xử lí câu chữ lóng ngóng, vụng về, thậm chí nhiều chỗ còn khá ngô nghê và tối nghĩa. Yếu là bởi cả tập thơ chỉ có vài bài là đọc tạm được thì đều đã được đăng trên *Tài Hoa Trẻ*. Nhìn chung thì đây là tập thơ có chất lượng ở mức trung bình yếu, chưa vượt khỏi thơ phong trào là bao. Vậy mà nó lại được trao giải Nhì. Có lẽ, đó là sự tri âm của Ban giám khảo với người đã khuất.

Hai phần ba số bài thơ trong tập được viết theo thể thơ tứ tuyệt (*bốn câu*). Đây là thể thơ cổ, giống như một cái khuôn đã có sẵn, buộc người viết phải nhồi vào đó những nguyên vật liệu cần thiết để thành một sản phẩm. Người nào khéo chọn nguyên liệu, có kỹ năng pha chế, gia giảm tốt và biết cách nhồi vào khuôn thật chặt thì mới có được sản phẩm tốt, mới có được những bài thơ hay. Vì thế mà thể

loại thơ này rất khó viết, nhất là phải viết theo lối hiện đại để người đọc dễ tiếp nhận hơn. Một số người cho ông là dững cảm khi dám xông pha vào thể loại thơ rất gai góc này, nhưng cũng không ít người bảo ông là "điếc không sợ súng" vì nếu nghiêm túc đọc hết cả tập, thì thấy Nguyễn Ngọc Vũ là người cực kì lười sáng tạo nên khi viết được một, hai bài tứ tuyệt in trên tạp chí *Tài Hoa Trẻ* thì cứ theo khuôn mẫu đó mà viết cho nhanh, cho dễ, cho đỡ mất công tìm tòi, thể nghiệm, bởi thực ra, nếu là người dững cảm, thì ngoài thể loại, ông phải có sự tìm tòi cách thể hiện và ngôn từ, chứ không thể cứ dùng mãi những ngôn ngữ cũ, cổ điển, khuôn sáo và ước lệ, giống y chang như thơ cổ điển vậy. Hơn nữa, nhiều câu chữ do ép vần, ép nghĩa nên tối tăm và gượng gạo, rất khó hiểu:

Ngã rồi lại dây nguồn cơn

Đắng cay biết nhận - thảo thơm dành người

(Đờ nghiêng)

Một đời đánh giặc, viết văn

Nguồn cơn trần trở nhọc nhằn chẳng ngơi

(Thăm mộ nhà văn Nam Cao)

Chấp tay trước bậc tài danh

Thảo thơm gửi lại... trong lành mang đi.

(Kính tặng các bậc vĩ nhân)

Ngay cả bài thơ "*Hơn xưa*" là một bài thơ khá, đọc lên thấy có cảm xúc, có bố cục, có tứ được, nhưng thật tiếc là Nguyễn Ngọc Vũ cũng không biết đặt tên cho bài thơ của mình do quá bí từ, thành ra bài thơ giảm hẳn giá trị. Đây không phải là điểm yếu của riêng ông mà là điểm yếu của nhiều người làm thơ, bởi rõ ràng, như nhiều ý kiến trên báo chí thì hiện nay, kiến văn của người đọc còn cao hơn kiến văn của nhiều người viết, bởi người đọc hầu hết đều có trình độ THPT trở lên, nhiều người còn có trình độ đại học và cao hơn nữa, chứ không như những người đọc trong dân gian ngày xưa nên nếu người viết không hiểu được điều đó, không tự nâng cao trình độ học thức của mình, thì dù có tài đến mấy thì cũng khó mà kéo được người đọc đến với những tác phẩm thiếu tâm của mình.

Điều mà mọi người không khỏi ngạc nhiên là trong tập thơ "*Đa mang hương đồng*", có một số bài đã giành giải thưởng về thơ của Hội VHNT Hà Nam và của tạp chí *Tài Hoa Trẻ*. Có lẽ, Nguyễn Ngọc Vũ là người có duyên với giải thưởng nên một bài thơ

hết sức bình thường và chẳng có gì để nói như bài "Lặng thầm" cũng được Tài Hoa Trẻ trao giải thưởng về thơ tứ tuyệt. Đây là ông giới thiệu ở bìa 4 như thế. Nhưng những hội viên của Hội VHNT Hà Nam thì lại chẳng mấy khi chịu tin lời của ông nói, bởi họ dường như đã quá hiểu ông nên nhiều người cho rằng: chắc bài thơ đó chỉ được tặng thưởng thôi chứ chẳng được trao giải chính thức gì đâu. Nếu đúng là như thế thì thật đáng thương cho một sự nhầm lẫn rất hồn nhiên.

Nhưng nói gì đi nữa thì cũng phải thừa nhận: Nguyễn Ngọc Vũ là người rất cần cù, chịu khó làm thơ và mỗi khi làm được bài thơ nào mới đều mang đi khoe mọi người để cùng chia sẻ với nhau. Nếu có ai đó chỉ ra câu thơ này, câu thơ kia chưa ổn là ông lại về nhà trăn trở và hì hục chữa, có khi theo ý mọi người, có khi theo ý riêng của mình. Sự hồn nhiên trong nhận thức về thơ đó đã khiến người đọc dễ dàng nhận ra sự lắp ghép hơi vênh và khập khiễng trong một số bài thơ, một số câu thơ. Nhưng cũng chính vì sự chịu khó này mà ông đã có một số bài thơ đọc được, một số câu thơ khá tài hoa, khoáng đạt, gây được cảm xúc mạnh cho người đọc. Đó là những câu thơ được viết bằng những cảm xúc chân